



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-40
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-40



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Tiến Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Nguyễn Văn Độ	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2015
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Lương Thanh Tùng**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015



Số: 1262/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>447.497.554.500</b>	<b>164.371.581.898</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.819.094.133	15.006.939.754
111	1. Tiền		51.819.094.133	15.006.939.754
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	162.874.731.590	22.244.467.955
121	1. Chứng khoán kinh doanh		179.263.038.671	22.618.158.788
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(16.388.307.081)	(373.690.833)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		203.522.636.028	101.360.257.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	72.460.896.931	74.440.483.812
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.849.774.328	4.443.710.344
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	130.203.021.459	29.012.317.021
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.991.056.690)	(6.536.253.355)
140	IV. Hàng tồn kho	8	27.584.905.253	22.800.066.002
141	1. Hàng tồn kho		27.584.905.253	22.800.066.002
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.696.187.496	2.959.850.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		148.496.072	297.899.770
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.547.691.424	2.661.950.595
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>30.880.054.134</b>	<b>48.034.244.246</b>
220	I. Tài sản cố định		9.050.386.016	36.220.185.883
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.922.261.055	14.246.018.556
222	- Nguyên giá		53.100.069.201	70.281.803.891
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.177.808.146)	(56.035.785.335)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	128.124.961	21.974.167.327
228	- Nguyên giá		342.500.000	22.182.292.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(214.375.039)	(208.125.037)
230	II. Bất động sản đầu tư		-	4.525.229.151
231	- Nguyên giá		-	4.987.974.818
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(462.745.667)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.031.781.409	6.231.781.409
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	6.031.781.409	6.231.781.409
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	15.602.870.000	550.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.052.870.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		550.000.000	550.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		195.016.709	507.047.803
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		195.016.709	507.047.803
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>478.377.608.634</b>	<b>212.405.826.144</b>

1105  
CÔNG TY  
H NHIỆM  
NG KIẾ  
AA  
CÁN K

M.Đ.Đ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>69.268.528.923</b>	<b>56.039.235.612</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>69.268.528.923</b>	<b>56.039.235.612</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.729.240.119	3.679.264.649
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.170.857.949	3.549.591.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.028.903.807	11.769.455.519
314	4. Phải trả người lao động		4.207.816.189	6.644.342.584
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	426.425.326	7.038.704.592
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	26.922.037.214	4.240.392.736
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	20.695.883.479	18.581.907.262
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	512.783.432
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.087.364.840	22.793.826
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>409.109.079.711</b>	<b>156.366.590.532</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>409.109.079.711</b>	<b>156.366.590.532</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		370.000.000.000	124.969.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		370.000.000.000	124.969.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	6.050.945.031
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.934.826.652	24.364.189.501
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		20.447.576.459	3.865.479.071
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		9.487.250.193	20.498.710.430
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>478.377.608.634</b>	<b>212.405.826.144</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

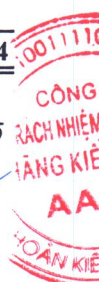
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Cao Lữ Phi Hùng

Lương Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	26.698.271.047	53.129.616.388
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	73.526.835	271.592.822
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.624.744.212	52.858.023.566
11	4. Giá vốn hàng bán	20	22.707.580.363	35.126.349.015
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.917.163.849	17.731.674.551
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.110.925.007	3.548.487.415
22	7. Chi phí tài chính	22	17.344.666.026	3.565.254.208
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.160.570.672	1.067.425.947
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.156.371.969	7.316.474.810
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.527.050.861	10.398.432.948
31	11. Thu nhập khác	24	7.924.111.550	9.857.019.550
32	12. Chi phí khác	25	278.276.129	9.682.362.185
40	13. Lợi nhuận khác		7.645.835.421	174.657.365
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.172.886.282	10.573.090.313
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.685.636.089	2.333.318.694
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>9.487.250.193</b>	<b>8.239.771.619</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	495	659

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Cao Lữ Phi Hùng

Lương Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.172.886.282	10.573.090.313
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.223.724.714	2.795.728.866
03	- Các khoản dự phòng		15.956.636.151	(3.645.731.083)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.148.344.963)	2.181.039.999
06	- Chi phí lãi vay		1.160.570.672	1.067.425.947
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.365.472.856	12.971.554.042
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(101.502.922.370)	(14.617.149.548)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.784.839.251)	656.334.720
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.240.143.173	(2.519.181.461)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		461.434.792	617.046.312
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(156.644.879.883)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.157.274.727)	(3.767.834.822)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.070.445.695)	1.500.444.764
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	294.735.821
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.000.000)	(738.634.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(234.099.311.105)	(5.602.684.493)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.795.867.909)	(1.017.678.881)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		40.878.498.179	9.706.476.817
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(6.532.342.839)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	8.892.060.378
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.052.870.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	52.950.788
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.737.018.997	388.373.825
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.766.779.267	11.489.840.088
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		245.030.710.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		8.475.500.947	14.120.097.190
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(6.361.524.730)	(29.423.836.134)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		247.144.686.217	(15.303.738.944)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		36.812.154.379	(9.416.583.349)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		15.006.939.754	24.047.802.897
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>51.819.094.133</u>	<u>14.631.219.548</u>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Cao Lữ Phi Hùng

Lương Thanh Tùng



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là S99.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Nuôi trồng thủy, hải sản;
- Chế biến thực phẩm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Chế biến thủy, hải sản; Chế biến lâm sản; Chế biến nông sản;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Hoạt động kinh doanh của Công ty (tiếp theo):

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buru điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, lợi nhuận thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh có sự sụt giảm là do hầu hết các công trình xây dựng của Công ty đang trong giai đoạn quyết toán đợt cuối, có sự điều chỉnh về giá trị công trình sau quyết toán.

Tuy nhiên, lợi nhuận khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lại tăng đột biến do Công ty đang từng bước thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015. Theo đó Công ty sẽ đầu tư góp vốn vào các công ty để chi phối, sáp nhập, liên kết, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác thông qua đầu tư để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng đã bán/thanh lý trụ sở hiện nay, tìm kiếm để mua sở hữu hoặc thuê lâu dài trụ sở làm việc mới để phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao hình ảnh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Với những định hướng như vậy, kết quả kinh doanh cũng như luồng tiền sử dụng trong 06 tháng đầu năm 2015 tập trung vào mảng hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Thi công xây lắp

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 33.

### **2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ chưa đã được loại trừ.

### **2.5 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

0011  
CÔNG  
H NHIỆ  
G KIẾ  
AAS  
KIỂM

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### 2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm kế toán	03	năm
- Nhãn hiệu thương hiệu	20	năm

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

## **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn công trình nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần công trình đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### *Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư theo các hợp đồng quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là khoản đầu tư tài chính trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.373.913.069	2.636.752.648
Tiền gửi ngân hàng	46.445.181.064	12.370.187.106
	<u><u>51.819.094.133</u></u>	<u><u>15.006.939.754</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>179.263.038.671</b>	<b>162.874.731.590</b>	<b>(16.388.307.081)</b>	<b>22.618.158.788</b>	<b>22.244.467.955</b>	<b>(373.690.833)</b>
DDV	29.788.930.000	29.788.930.000	-	-	-	-
PCT	20.058.880.000	19.418.280.000	(640.600.000)	-	-	-
PSD	29.467.200.000	26.448.000.000	(3.019.200.000)	-	-	-
STG	27.754.500.000	27.754.500.000	-	-	-	-
SFG	3.220.000.000	3.080.000.000	(140.000.000)	-	-	-
EVE	10.132.200.000	10.132.200.000	-	-	-	-
SDA	7.410.000.000	6.760.000.000	(650.000.000)	-	-	-
Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng (*)	49.630.632.946	38.343.553.946	(11.287.079.000)	20.015.000.000	20.015.000.000	-
- GTN	32.621.242.500	22.822.800.000	(9.798.442.500)	-	-	-
- PET	764.968.500	756.010.000	(8.958.500)	-	-	-
- QBS	8.797.668.000	7.405.200.000	(1.392.468.000)	-	-	-
- VFR	1.455.710.000	1.368.500.000	(87.210.000)	-	-	-
- Tiền giao dịch	2.237.053.965	2.237.053.965	-	20.015.000.000	20.015.000.000	-
- Công nợ phải thu, phải trả	3.753.989.981	3.753.989.981	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	1.800.695.725	1.149.267.644	(651.428.081)	2.603.158.788	2.229.467.955	(373.690.833)
	<b>179.263.038.671</b>	<b>162.874.731.590</b>	<b>(16.388.307.081)</b>	<b>22.618.158.788</b>	<b>22.244.467.955</b>	<b>(373.690.833)</b>

(\*) Theo Hợp đồng quản lý đầu tư số 03/2015/HĐQL/SVC-SDD909 ngày 13/04/2015 giữa Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng với các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày nộp tiền lần đầu. Sau 06 tháng hai bên sẽ tiến hành thanh lý hoặc gia hạn hợp đồng;
- Số tiền đầu tư dự kiến: 50.000.000.000 đồng;
- Phạm vi đầu tư: chứng khoán vốn, chứng khoán nợ, tiền gửi ngân hàng, tiền mặt chờ giải ngân đầu tư;
- Phạm vi dịch vụ: Công ty Quản lý quỹ thực hiện các hoạt động đầu tư tài sản cho Công ty Cổ phần SCI theo quyền tự quyết của Công ty Quản lý quỹ dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty Cổ phần SCI.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>15.052.870.000</b>	<b>15.052.870.000</b>	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	15.052.870.000	15.052.870.000	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	-	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
	<b>15.602.870.000</b>	<b>15.602.870.000</b>	-	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Nội	22,90%	22,90%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ:**

<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u> VND	<u>6 tháng đầu năm 2014</u> VND
<b>Góp vốn đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	15.052.870.000	-
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	2.395.985.704	9.254.300
<b>Mua hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	570.304.464	-

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	72.460.896.931	74.440.483.812
- Công ty HH Tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc	5.163.367.649	2.941.349.069
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	18.608.595.298	21.700.960.565
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	16.707.632.230	10.613.192.192
- Các khoản phải thu khách hàng khác	31.981.301.754	39.184.981.986
	<b><u>72.460.896.931</u></b>	<b><u>74.440.483.812</u></b>
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u> VND
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		<u>01/01/2015</u> VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty liên kết	2.663.763.011
		<b><u>2.663.763.011</u></b>
		<b><u>75.089.643</u></b>